

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai kết quả thực hiện Dự án 2 về hỗ trợ “Làm sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng” đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ “Phương tiện vận chuyển vỏ, máy trong lĩnh vực nông nghiệp” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 chuyển sang 2026

Căn cứ Biên bản của Tổ thẩm định ngày 14 tháng 7 năm 2026 về thẩm định nội dung, tài chính các Dự án Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 về thẩm định Dự án 2 về hỗ trợ “Làm sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng” đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ “Phương tiện vận chuyển vỏ, máy trong lĩnh vực nông nghiệp” nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 chuyển sang năm 2026 tiếp tục thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã Giang Thành thông báo niêm yết công khai kết quả thực hiện các dự án, danh sách đối tượng tham gia dự án, thời gian, địa điểm cụ thể như:

1. Nội dung niêm yết

1.1. Dự án 2 về hỗ trợ “Làm sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng” trên địa bàn ấp Tà Teng, ấp Trà Phọt và ấp Trần Thệ xã Giang Thành. Số hộ tham gia: 48 hộ với tổng kinh phí tham gia dự án 661.500.000 đồng. Trong đó kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là 408.000.000 đồng (60%), kinh phí nhân dân tham gia đối ứng 253.500.000 đồng (40%) (kèm theo dự án và danh sách hộ tham gia).

1.2. Tiểu dự án 1 Dự án 3 hỗ trợ “phương tiện vận chuyển vỏ, máy trong lĩnh vực nông nghiệp” trên địa bàn ấp Tà Teng, ấp Trà Phọt, ấp Khánh Hòa và ấp Trần Thệ. Hộ tham gia 20 hộ với tổng kinh phí tham gia dự án 545.200.000 đồng. Trong đó kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là 322.000.000 đồng (60%), kinh phí nhân dân tham gia đối ứng 223.200.000 đồng (40%) (kèm theo dự án và danh sách hộ tham gia).

2. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND xã Giang Thành (Trung tâm Phục vụ Hành chính công), trang thông tin điện tử xã Giang Thành và Trụ sở ấp Tà Teng, Trà Phọt, Trần Thệ, Khánh Hòa.

3. Thời gian niêm yết: 07 ngày (kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2026).

4. Ý kiến phản ánh

Trong thời gian niêm yết, mọi ý kiến phản hồi, kiến nghị của người dân xin gửi về UBND xã Giang Thành bằng văn bản (thông qua phòng Kinh tế xã) để được tiếp nhận xem xét, giải quyết theo quy định.

Nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại thì Ủy ban nhân dân xã Giang Thành tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy – HĐND xã;
- Thành viên BCĐ;
- MTTQVN xã, đoàn thể xã;
- Các CQCM thuộc UBND xã;
- BLĐ ấp Tà Teng, Trà Phọt, Trần Thệ, Khánh Hòa;
- Lưu: VT. Itphung.

Kí. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Bích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giang Thành, ngày tháng 7 năm 2026

**TÊN DỰ ÁN: HỖ TRỢ “PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VỎ, MÁY
TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP”**

**Nguồn vốn dự án 3, tiểu dự án 1 Chương trình MTQG giảm nghèo bền
vững năm 2025 chuyển sang thực hiện 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật cho một số loại cây trồng, vật nuôi, gia súc, gia cầm, thủy sản và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường, để làm cơ sở áp dụng hỗ trợ các mô hình trình diễn khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 Nghị quyết của HĐND tỉnh Kiên Giang về quy định các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Quy định tỷ lệ quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 04/09/2025 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành về việc giao chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành về việc chuyển nguồn ngân sách xã năm 2025 chưa thực hiện nhiệm vụ sang năm 2026 tiếp tục thực hiện.

II. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư

1.1 Đại diện chung

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Sơn
- Chức vụ: Trưởng ấp Trần Thệ
- Địa chỉ: ấp Trần Thệ, xã Giang Thành, tỉnh An Giang.
- Số CCCD: 03080016140, ngày cấp 04/04/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Điện thoại: 0911 499 412, Fax: Email:

1.2. Đại diện cộng đồng dân cư các ấp: Tiên Kiệt, Trưởng ấp Tà Teng; Đồng Văn Tiên, Trưởng ấp Khánh Hòa; Tiên Suôi, Trưởng ấp Trà Phọt.

2. Địa bàn thực hiện: ấp Trần Thệ, ấp Tà Teng, ấp Trà Phọt, ấp Khánh Hòa xã Giang Thành, tỉnh An Giang.

3. Đối tượng tham gia

Số lượng hộ gia đình tham gia dự án: 20 hộ, trong đó ấp Trần Thệ 09 hộ: 01 hộ nghèo, 08 hộ mới thoát cận nghèo, ấp Tà Teng 02 hộ mới thoát nghèo, ấp Trà Phọt 04 hộ: 01 hộ nghèo, 01 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát cận nghèo, ấp Khánh Hòa 04 hộ: 01 hộ nghèo, 01 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát cận nghèo, ấp Giồng Kè 01 hộ mới thoát nghèo, trong đó 12 hộ là dân tộc khmer (có danh sách hộ dân đính kèm).

4. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung: Thay đổi tư duy sản xuất của người dân, từng bước giảm tập quán độc canh cây lúa; khuyến khích tận dụng thời gian nông nhàn để khai thác hiệu quả phương tiện được hỗ trợ, tạo việc làm, tăng thu nhập và góp phần giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống.

b) Mục tiêu cụ thể: Tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ tham gia dự án; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện để các hộ mới thoát

nghèo, mới thoát cận nghèo phát triển sinh kế bền vững, hạn chế tái nghèo.

5. Thời gian triển khai thực hiện dự án: Tháng 7 năm 2026 đến tháng 7 năm 2028.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Các hoạt động dự án

- Hỗ trợ các hộ tham gia dự án đầu tư phương tiện vận chuyển phục vụ sản xuất nông nghiệp, gồm: 01 vỏ Composite dài 6,5 m, ngang 0,80 m; 01 bộ dàn sắt xi và 01 máy xăng Honda GP200 (côt chéo), công suất 6,5 mã lực.

- Các hoạt động khác có liên quan dự án: Phân công cán bộ chuyên môn thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra việc sử dụng phương tiện và hỗ trợ các hộ trong suốt quá trình thực hiện dự án nhằm bảo đảm đạt hiệu quả đề ra.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã tổ chức kiểm tra định kỳ hàng quý nhằm kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

- Người đại diện cộng đồng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các hộ tham gia thực hiện đúng nội dung dự án; định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện cho UBND xã.

- Xây dựng, quản lý dự án: thời gian thực hiện dự án là 2 năm. Kể từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 7 năm 2028.

2. Kinh phí thực hiện dự án

a) Nguồn hỗ trợ của NSNN và đối ứng của người dân: 545.200.000 đồng, Trong đó:

- Nguồn hỗ trợ của NSNN: 322.000.000 đồng (tỷ lệ 60%).

- Nguồn đối ứng của người dân: 223.000.000 đồng (tỷ lệ 40%).

(Có bảng tính chi tiết dự án kèm theo).

b) Nguồn huy động khác: không có

3. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng một phần vốn trong cộng đồng.

- Tỷ lệ quay vòng vốn hoặc hiện vật căn cứ thực hiện tại điểm c, khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh An Giang thu 20% kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Hình thức, trình tự luân chuyển: Thu hồi bằng tiền mặt.

- Cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển: Người đại diện cộng đồng thu hồi nộp về Phòng Kinh tế xã để Phòng Kinh tế xã Giang Thành nộp vào tài khoản riêng mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Tiên, An Giang.

Trong hai năm thực hiện dự án, Phòng Kinh tế thực hiện thu hồi vốn hỗ trợ 20% với số tổng kinh phí phải thu hồi 64.400.000 đồng/20 hộ (thu hồi 1 lần). Tương đương mỗi hộ tham gia dự án thực hiện phải hoàn số tiền là 3.220.000 đồng *(Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

IV. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC DỰ ÁN

1. Hiệu quả về mặt xã hội

Dự án góp phần tạo việc làm cho lao động trong thời gian nông nhàn, nâng cao thu nhập, phát huy hiệu quả sử dụng phương tiện phục vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời tạo điều kiện để các hộ phát triển thêm các hoạt động dịch vụ, góp phần cải thiện đời sống và giảm nghèo bền vững.

2. Hiệu quả về kinh tế

Sau khi được hỗ trợ phương tiện, các hộ có điều kiện khai thác hiệu quả trong sản xuất và cung ứng các dịch vụ như bơm nước, vận chuyển hàng hóa, giăng lưới, giăng câu, cắt cỏ, chở thuê... Qua đó, mỗi hộ ước tăng thu nhập bình quân từ 7 đến 10 triệu đồng/năm, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện kinh tế hộ gia đình.

3. Khả năng nhân rộng

Mô hình có tính khả thi và khả năng nhân rộng cao, góp phần thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển sinh kế; tăng cường tinh thần liên kết, hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng; khai thác hiệu quả lao động nhàn rỗi, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng bền vững.

4. Kết quả đầu ra sản phẩm của dự án: Các hộ tham gia dự án chủ động khai thác và sử dụng hiệu quả phương tiện được hỗ trợ để phục vụ sản xuất, đồng thời phát triển thêm các hoạt động dịch vụ phù hợp nhằm nâng cao thu nhập và ổn định sinh kế.

5. Hiệu quả khác: Không có.

V. CHẾ TÀI XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP VI PHẠM CAM KẾT (NẾU CÓ)

Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết. Trường hợp vi phạm hoặc sử dụng phương tiện không đúng mục đích, người đại diện cộng đồng lập biên bản báo cáo UBND xã để xem xét xử lý theo quy định; tùy mức độ vi phạm có thể thu hồi phần vốn hỗ trợ của Nhà nước và chuyển cho đối tượng đủ điều kiện khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Người đại diện cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với UBND xã triển khai các nội dung của dự án; tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ tham gia thực hiện đúng phương án đã được phê duyệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định.

Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ phần đối ứng, sử dụng phương tiện đúng mục đích, phát huy hiệu quả và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của dự án.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Hợp dân thống nhất dự án (Từ tháng 6 năm 2026).
2. Hoàn thiện và trình phê duyệt dự án (Tháng 7 năm 2026).

3. Tổ chức thực hiện dự án (Từ tháng 7/2026 đến kết thúc dự án).
4. Đánh giá kết quả thực hiện dự án (theo tiến độ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm).

VIII. CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Ngoài các nội dung nêu trên, đại diện cộng đồng xây dựng dự án không bổ sung các nội dung nào khác ./.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

Đông Văn Tiền

Dương Văn Sơn

Tiên Kiệt

Tiên Suôi

DANH SÁCH

Đăng ký tham gia Dự án 3 - Tiểu Dự án 1 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc nguồn vốn Chương trình mục (Kèm theo Dự án Hỗ trợ phương tiện vô, máy vận chuyển ngày / 2026 của cộng dân cư liên ấp)

STT	Họ và tên	Ngày Tháng Năm Sinh		CCCD	Địa Chỉ	Đối Tượng			Ghi chú
		Nam	Nữ			Hộ Nghèo	Hộ Cận nghèo	Hộ thoát nghèo 36 tháng	
1	Ngô Văn Hà	13/08/1971		091071000538	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
2	Danh Thùy	16/06/1986		091086022544	Tổ 3, ấp Tà Teng			X	
3	Tiên Sóc	01/01/1970		091070004516	Tổ 1, ấp Trà Phọt			X	
4	Lưu Thị Tươi		01/01/1982	091182007320	Tổ 7, ấp Trà Phọt	X			
5	Thị Phôi	01/01/1945		091045000168	Tổ 3, ấp Trà Phọt			X	
6	Tiên Khiel	01/01/1950		091050000569	Tổ 3, ấp Trà Phọt		X		
7	Ngô Thị Ngọc Lệ		01/01/1977	091177001653	Tổ 4, ấp Khánh Hòa		X		
8	Lê Tuấn Rảnh	01/01/1981		091081004582	Tổ 1, ấp Khánh Hòa			X	
9	Ngô Thị Hà		01/01/1962	091162001046	Tổ 6, ấp Khánh Hòa			X	
10	Võ Văn Long	01/01/1970		091070001277	Tổ 4, ấp Khánh Hòa	X			
11	Tiên Canh	01/01/1966		0910660009595	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
12	Tiên Lách	01/01/1955		091055000954	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
13	Thị Dọt		09/10/1990	091190001399	Tổ 4, ấp Trần Thệ			X	
14	Thị Muối		01/01/1975	091175000625	Tổ 4, ấp Trần Thệ			X	
15	Thị Phinh		01/01/1976	091176010928	Tổ 7, ấp Trần Thệ			X	
16	Ngô Văn Hấu	05/03/1998		091098011344	Tổ 1, ấp Trần Thệ			X	
17	Hồ Văn Năng	01/01/1965		091065001554	Tổ 8, ấp Trần Thệ	X			

STT	Họ và tên	Ngày Tháng Năm Sinh		CCCD	Địa Chỉ	Đối Tượng			Ghi chú
		Nam	Nữ			Hộ Nghèo	Hộ Cận nghèo	Hộ thoát nghèo 36 tháng	
18	Tiên Sương	01/01/1958		091058003086	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
19	Thị Chánh		05/02/1997	091197000563	Tổ 7, ấp Trần Thệ			X	
20	Thị Ân		01/01/1986	091186002424	Tổ 1, ấp Giồng Kè			X	Tổ 1, ấp Tân Tiến
Tổng cộng		20 hộ đăng ký tham gia dự án				3	2	15	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giang Thành, ngày tháng năm 2026

**TÊN DỰ ÁN: LÀM SẢN PHẨM THỦ CÔNG MỸ NGHỆ
TỪ CÂY CỎ BÀNG**

**Nguồn vốn Dự án 2 - Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
năm 2025 chuyển sang năm 2026 tiếp tục thực hiện**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025;

- Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 Nghị quyết của HĐND tỉnh Kiên Giang về quy định các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Quy định tỷ lệ quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng

đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 04/09/2025 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành về việc giao chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành về việc chuyển nguồn ngân sách xã năm 2025 chưa thực hiện nhiệm vụ sang năm 2026 tiếp tục thực hiện.

II. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư

1.1 Đại diện chung

- Người đại diện theo pháp luật: Tiên Kiệt
- Chức vụ: Trưởng Ban lãnh đạo ấp Tà Teng
- Địa chỉ: ấp Tà Teng, xã Giang Thành, tỉnh An Giang.
- Số CCCD: 091096001444; ngày cấp: 27/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Số điện thoại: 0344881028

1.2 Đại diện cộng đồng dân cư các ấp: Dương Văn Sơn, Trưởng ấp Trần Thệ; Tiên Suôi, Trưởng ấp Trà Phọt.

2. Địa bàn thực hiện: Ấp Tà Teng, ấp Trần Thệ, ấp Trà Phọt xã Giang Thành, tỉnh An Giang.

3. Đối tượng tham gia: Tổng số hộ tham gia dự án: 48 hộ, trong đó: ấp Tà Teng 21 hộ thoát nghèo, 14 hộ là nữ, dân tộc 21 hộ, ấp Trần Thệ 18 hộ có: 01 hộ nghèo, 06 hộ cận nghèo, 13 hộ mới thoát nghèo, 4 hộ nữ, dân tộc Khmer 19 hộ, ấp Trà Phọt 09 hộ có: 01 hộ nghèo, 04 hộ cận nghèo, 04 hộ thoát nghèo, 05 hộ là nữ, dân tộc 09 hộ.

(có danh sách các hộ gia đình tham gia dự án đính kèm).

4. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung: Thay đổi tư duy sản xuất của người dân theo hướng liên kết, phát huy giá trị làng nghề truyền thống đan lát; nâng cao kỹ thuật, chất lượng và giá trị sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng; từng bước hoàn thiện quy trình sản xuất, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của thị trường, góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân;

b) Mục tiêu cụ thể: Thông qua việc hỗ trợ nguồn vốn, các hộ tham gia dự án có điều kiện dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất quanh năm; duy trì và phát

triển nghề đan đệm bàng truyền thống; tạo việc làm trong thời gian nông nhàn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Phần đầu mỗi lao động có thể đan từ 4 sản phẩm đệm bàng trở lên mỗi ngày, bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của thị trường.

5. Thời gian triển khai thực hiện dự án

- Thời gian thực hiện 36 tháng: bắt đầu từ tháng 7/2026 đến tháng 7/2029.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Các hoạt động dự án

- Công tác chuẩn bị: Tổ chức họp các hộ tham gia dự án nhằm thống nhất phương án thực hiện; phổ biến nội quy, quy chế hoạt động; nâng cao năng lực quản lý, điều hành; đồng thời hướng dẫn các hộ chủ động sắp xếp thời gian sản xuất, bảo đảm tiến độ và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của đơn vị thu mua.

- Cung ứng vật tư: Tổ chức ký kết hợp đồng cung ứng nguyên liệu cây bàng thô cho các hộ tham gia dự án, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng và tiến độ phục vụ sản xuất. Mỗi hộ được hỗ trợ dự trữ 340 neo/hộ.

- Các hoạt động khác có liên quan:

- + Tổ chức tiêu thụ sản phẩm: Các hộ chủ động tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm thông qua thương lái, hợp tác xã hoặc các cơ sở thu mua phù hợp nhằm bảo đảm đầu ra ổn định cho sản phẩm.

- Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án: Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hằng tháng; phân công cán bộ chuyên môn và người đại diện cộng đồng thường xuyên theo dõi, hướng dẫn các hộ tham gia thực hiện đúng nội dung dự án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

2. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện dự án 669.600.000 đồng; trong đó:
- + Nguồn hỗ trợ của Ngân sách nhà nước là 408.000.000 đồng (60%).
- + Nguồn đối ứng của người dân là 261.600.000 đồng (40%).

Đơn vị tính đồng

TT	Nội dung dự án	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Trong đó			
					NSNN			Đối ứng của dân
					TW	Tỉnh	Xã	
I	Hỗ trợ giống sản xuất							
1	Hỗ trợ nguyên liệu	16.320 neo bàng thô	25.000/neo	408.000.000	355.000.000	53.000.000		0

2	Hỗ trợ vật tư: (Thức ăn, thuốc, phân bón...)							
3	Hỗ trợ khác							
-	Công cụ, dụng cụ	10 máy ép bằng cũ	7.260.000 đồng/máy	72.600.000				72.600.000
-	Hỗ trợ điện ép bằng (20KV/ngày/ máy x30 ngày/ tháng 36 tháng)	54.000	3.500	189.000.000				189.000.000
II	Kiểm tra, tổng kết, quản lý							
	Tổng cộng			669.600.000	355.000.000	53.000.000		261.600.000

b) Nguồn huy động khác: Không có.

3. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng một phần vốn trong cộng đồng.

- Tỷ lệ quay vòng vốn, căn cứ thực hiện tại điểm c, khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh An Giang thu 20% kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Hình thức, trình tự luân chuyển: Thu hồi bằng tiền mặt.

- Cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển: Người đại diện cộng đồng thu hồi nộp về Phòng Kinh tế xã để Phòng Kinh tế xã Giang Thành nộp vào tài khoản riêng mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Tiên, An Giang.

Trong ba năm thực hiện dự án, Phòng Kinh tế thực hiện thu hồi vốn hỗ trợ 20% với số tiền là 81.600.000/48 hộ (thu hồi 1 lần). Tương đương mỗi hộ tham gia dự án thực hiện phải hoàn số tiền là 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

IV. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC DỰ ÁN

1. Hiệu quả về mặt xã hội

Dự án góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; bảo tồn và phát huy nghề đan đệm bằng truyền thống của địa phương; nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

2. Hiệu quả về kinh tế

Dự án góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ tham gia thông qua việc phát triển sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng; phát huy lợi thế của địa

phương, nâng cao giá trị sản phẩm, cải thiện sinh kế và thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng bền vững.

3. Khả năng nhân rộng

Dự án có khả năng nhân rộng cao do phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tận dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có và lực lượng lao động nhàn rỗi. Đồng thời, nghề đan đệm bàng là nghề truyền thống đã được người dân duy trì nhiều năm, thuận lợi cho việc mở rộng quy mô sản xuất trong thời gian tới.

4. Kết quả đầu ra sản phẩm của dự án

Sau khi dự án đi vào hoạt động ổn định, các hộ tham gia có khả năng sản xuất và tiêu thụ khoảng 7.200 sản phẩm mỗi tháng; sau khi trừ chi phí, mỗi lao động có thể tăng thêm khoảng 2,1 triệu đồng/tháng từ việc tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống gia đình.

IV. CHẾ TÀI XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP VI PHẠM CAM KẾT (NẾU CÓ)

Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết. Trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện đúng quy định của dự án sẽ bị xem xét xử lý theo quy định, đồng thời thu hồi phần kinh phí hỗ trợ và đưa ra khỏi danh sách thụ hưởng nếu cần thiết.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi dự án được phê duyệt, người đại diện cộng đồng phối hợp với UBND xã tổ chức triển khai đến các hộ tham gia; phổ biến đầy đủ nội dung dự án, hướng dẫn thực hiện và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai. Các tổ chức đoàn thể, Ban lãnh đạo các ấp phối hợp tuyên truyền, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để UBND xã xem xét, giải quyết. Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết, sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ và chấp hành các quy định của dự án.

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Hợp dân thống nhất dự án (Từ tháng 6 năm 2026)
2. Hoàn thiện và trình phê duyệt dự án (Từ tháng 7 năm 2026)
3. Tổ chức thực hiện dự án (Từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 7 năm 2029)
4. Đánh giá kết quả thực hiện dự án: theo tiến độ quý, 6 tháng, năm.

VII. CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Ngoài các nội dung nêu trên, đại diện cộng đồng xây dựng dự án có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án và phù hợp với điều kiện thực tế; các kiến nghị đề xuất có liên quan./.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Tiên Suôi

Tiên Kiệt

Dương Văn Sơn

DANH SÁCH

Đăng ký tham gia Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 sang năm 2026 thực hiện
(Kèm theo Dự án: "làm sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây cỏ bàng" ngày / /2026 của cộng dân cư liên ấp)

STT	Họ và tên	Ngày Tháng Năm Sinh		CCCD	Địa Chỉ	Đối Tượng			Ghi chú
		Nam	Nữ			Hộ Nghèo	Hộ Cận nghèo	Hộ thoát nghèo 36 tháng	
1	Tiên Biên	01/01/1986		091086000965	Tổ 1, ấp Tà Teng			X	
2	Lưu Thành Hải	29/11/1989		091089000893	Tổ 1, ấp Tà Teng			X	
3	Thị Kha Lây		02/01/1963	091163000546	Tổ 2, ấp Tà Teng			X	
4	Thị Khol		01/01/1969	091169000588	Tổ 2, ấp Tà Teng			X	
5	Thị Hên		01/01/1986	091186001282	Tổ 1, ấp Tà Teng			X	
6	Thị Di		01/01/1950	091150002023	Tổ 4, ấp Tà Teng			X	
7	Thị Xây		01/01/1956	091156000394	Tổ 5, ấp Tà Teng			X	
8	Thị Dol (Tiên Chanh)		01/01/1982	091182001246	Tổ 5, ấp Tà Teng			X	
9	Thị Xây		04/04/1956	091156000396	Tổ 5, ấp Tà Teng			X	
10	Thị Chét		01/01/1949	091149000173	Tổ 5, ấp Tà Teng			X	
11	Thị Tuất (Thị Mon)		06/05/1999	091199001329	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
12	Thị Nấp (Tiên Văn)		01/01/1983	091183001131	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
13	Tiên Chiên	01/01/1958		091085009170	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
14	Thị Hồng (Yum Tích)		02/04/1980	091180008139	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
15	Tiên Chai	01/01/1992		091092000747	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
16	Tiên An (Thị Phôi)	01/01/1995		091095000628	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	

STT	Họ và tên	Ngày Tháng Năm Sinh		CCCD	Địa Chỉ	Đối Tượng			Ghi chú
		Nam	Nữ			Hộ Nghèo	Hộ Cận nghèo	Hộ thoát nghèo 36 tháng	
17	Thị Sách		10/01/1953	091153006456	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
18	Thị Ny (Tiên Chin)		15/06/1996	091196010414	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
19	Tiên Chao	10/09/1998		091098009155	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
20	Tiên Xê	01/01/1983		091083018647	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
21	Thị Ni		06/03/1992	091192002390	Tổ 6, ấp Tà Teng			X	
22	Thị Sol		01/01/1957	091157000961	Tổ 5, ấp Trà Phọt		X		
23	Thị Lệ		01/01/1954	091154005872	Tổ 1, ấp Trà Phọt			X	
24	Ngô Văn Hưng	01/01/1940		091040000151	Tổ 6, ấp Trà Phọt	X			
25	Thị Phọt		01/01/1962	091162005473	Tổ 1, ấp Trà Phọt		X		
26	Tiên Sên	01/01/1958			Tổ 7, ấp Trà Phọt		X		
27	Tiên Chol	01/01/1960		091060003852	Tổ 1, ấp Trà Phọt		X		Tổ 1, ấp Kinh Mới
28	Thị Ry		01/01/1967	091167012328	Tổ 2, ấp Trà Phọt			X	Tổ 2, ấp Kinh Mới
29	Tiên Hong	01/11/1989		091089012849	Tổ 2, ấp Trà Phọt			X	Tổ 2, ấp Kinh Mới
30	Tiên An	01/01/1986		091086001879	Tổ 1, ấp Trà Phọt			X	Tổ 1, ấp Kinh Mới
31	Tiên Anh	01/01/1989		091089015347	Tổ 6, ấp Trần Thệ			X	
32	Tiên Lao	01/01/1978		091078007734	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
33	Tiên Lươl	01/01/1982		091082000986	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
34	Tiên Khen	01/01/1963		091063009675	Tổ 4, ấp Trần Thệ			X	
35	Ngô Văn Cáo	01/01/1991		091091013325	Tổ 1, ấp Trần Thệ			X	
36	Tiê Hiệp	01/01/1961		091061003328	Tổ 1, ấp Trần Thệ			X	

STT	Họ và tên	Ngày Tháng Năm Sinh		CCCD	Địa Chỉ	Đối Tượng			Ghi chú
		Nam	Nữ			Hộ Nghèo	Hộ Cận nghèo	Hộ thoát nghèo 36 tháng	
37	Thị Rol		01/01/1976	091176010073	Tổ 3, ấp Trần Thệ			X	
38	Tiên Mi	01/01/1956		091056000724	Tổ 3, ấp Trần Thệ			X	
39	Thị Thây		01/01/1989	091188001352	Tổ 3, ấp Trần Thệ			X	
40	Tiên Toal	01/01/1985		091085002602	Tổ 7, ấp Trần Thệ			X	
41	Tiên Coi	01/01/1963		091063001008	Tổ 2, ấp Trần Thệ		X		
42	Tiên Te	01/01/1964		091064001067	Tổ 6, ấp Trần Thệ		X		
43	Tiên Phol	01/01/1950		091050000502	Tổ 3, ấp Trần Thệ		X		
44	Thị Thai		01/01/1983	091183014044	Tổ 3, ấp Trần Thệ		X		
45	Tiên Vung	01/01/1953		091053000497	Tổ 3, ấp Trần Thệ		X		
46	Lê Thị Hạnh	01/01/1976		091176005288	Tổ 6, ấp Trần Thệ	X			
47	Tiên Tươn	01/01/1953		091053007420	Tổ 2, ấp Trần Thệ			X	
48	Tiên Chệnh	01/01/1951		091051005992	Tổ 2, ấp Trần Thệ		X		
Tổng cộng		48 hộ đăng ký tham gia dự án				2	10	36	